

CỦNG CỐ KIẾN THỨC NGỮ VĂN 10 – HỌC KÌ I

Câu 1: Đặc điểm nổi bật của truyện kì?

- A. Cốt truyện mang màu sắc dân gian hoặc dã sử
- B. Nhân vật xuất hiện theo hàng trạng nhân vật
- C. Sự kết hợp giữa yếu tố kì và yếu tố thực
- D. Lời văn đan xen giữa văn xuôi và thơ

Câu 2: Nội dung chính của chuyện “Chức phán sự đền Tản Viên”?

- A. Ca ngợi tinh thần khảng khái, cương trực, dám đấu tranh chống lại cái ác trừ hại cho dân
- B. Đề cao vai trò của thần linh trong việc cứu giúp con người
- C. Bài học nhân sinh về chính – tà, thiện – ác
- D. A và C đúng

Câu 3: Thể loại truyện kể xa xưa nhất, thể hiện quan niệm về vũ trụ và khát vọng chinh phục thế giới tự nhiên của con người thời nguyên thủy:

- A. Truyền thuyết
- B. Thần thoại
- C. Cổ tích
- D. Ngụ ngôn

Câu 4: Thần thoại có cốt truyện như thế nào?

- A. Cốt truyện đơn tuyến
- B. Cốt truyện đa tuyến
- C. Không có cốt truyện
- D. Kết hợp cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến

Câu 5: Truyện thần thoại gồm những nhóm nào?

- A. Thần thoại về các vị thần; Thần thoại về các vị anh hùng
- B. Thần thoại suy nguyên; Thần thoại về các vị anh hùng
- C. Thần thoại Châu Âu; Thần thoại Châu Á
- D. Thần thoại suy nguyên; Thần thoại sáng tạo

Câu 6: Thời gian trong thần thoại là:

- A. Thời gian phiếm chỉ
- B. Thời gian cụ thể
- C. Thời gian bất biến
- D. Thời gian tuần hoàn

Câu 7: Nhân vật chính trong thần thoại là?

- A. Con người
- B. Các vị thần
- C. Bán thần
- D. Loài vật

Câu 8: Điều gì làm nên Sức hấp dẫn của truyện thần thoại?

- A. Nhân vật truyện
- B. Các chi tiết kì ảo
- C. Giá trị nội dung, tư tưởng.
- D. Đặc sắc nghệ thuật và giá trị nội dung, tư tưởng.

Câu 9: Thể loại văn học dân gian nào nhằm giải thích, phản ánh nhận thức, cách hình dung của người thời cổ về nguồn gốc thế giới và đời sống con người?

- A. Sứ thi dân gian
- B. Truyền thuyết
- C. Truyện thơ
- D. Thần thoại

Câu 10: Văn bản Thần Trụ Trời thuộc loại văn bản nào?

- A. Truyền thuyết
- B. Truyện cổ tích
- C. Thần thoại
- D. Truyện ngụ ngôn

Câu 11: Trong văn bản Thần Trụ Trời, tác giả đã nhắc đến những vị thần nào?

- A. Ông Đếm sao, ông Tát bể, ông Kể sao, ông Đào sông, ông Xây rú, ông Trụ Trời
- B. Ông Đếm sao, ông Tát bể, ông Đào sông, ông Xây rú, ông Trụ Trời.
- C. Ông Đếm sao, ông Tát bể, ông Kể sao, ông Đào sông, ông Xây rú.
- D. Ông Tát bể, ông Kể sao, ông Đào sông, ông Xây rú, ông Trụ Trời.

Câu 12: Theo văn bản Thần Trụ Trời, vị thần Trụ Trời sau này được gọi là gì?

A. Trời

C. Cả A và B đều đúng

B. Ngọc Hoàng

D. Thiên đế

Câu 13: Thần thoại và sử thi giống nhau ở điểm nào?

A. Đều là tác phẩm tự sự dân gian

B. Đều kể về các vị thần

C. Đều kể về những biến cố lớn diễn ra trong đời sống cộng đồng

D. Đều sử dụng ngôn ngữ có vần, nhịp

Câu 14: “Thể loại tự sự bằng văn xuôi, kể lại sự tích các vị thần sáng tạo thế giới tự nhiên và văn hóa, phản ánh nhận thức, cách hình dung của người thời cổ về nguồn gốc thế giới và đời sống con người.” là thể loại nào?

A. Sử thi dân gian.

B. Truyền thuyết.

C. Truyện thơ.

D. Thần thoại.

Câu 15: Nguyễn Tuân bắt đầu sự nghiệp văn chương khi nào?

A. Khi đang học thành chung.

C. Sau khi ra tù.

B. Trong tù ở Thái Lan.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 16: Truyện ngắn “Chữ người tử tù” của Nguyễn Tuân trích từ tập nào sau đây?

A. Vang bóng một thời.

C. Chiếc lư đồng mắt cua.

B. Một chuyến đi.

D. Hà Nội ta đánh Mĩ giỏi.

Câu 17: Nghệ thuật đặc sắc trong tác phẩm được thể hiện ở:

A. Tạo dựng tình huống truyện độc đáo.

B. Cảnh trong tác phẩm được xây dựng bằng nghệ thuật tương phản, làm nổi bật sự đối lập gay gắt giữa cái đẹp và cái xấu, cái thiện và cái ác, tính cách và hoàn cảnh.

C. Khắc họa tính cách nhân vật - nhân vật được dựng lên bằng bút pháp lý tưởng hóa cảm hứng lãng mạn, ngôn ngữ giàu tính tạo hình.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 18: Giá trị nội dung của tác phẩm Chữ người tử tù là:

A. Khắc họa thành công hình tượng Huân Cao – một con người tài hoa, có cái tâm trong sáng và khí phách hiên ngang bất khuất.

B. Thể hiện quan niệm về cái đẹp, khẳng định sự bất tử của cái đẹp.

C. Bộc lộ tấm lòng yêu nước thầm kín của nhà văn Nguyễn Tuân.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 19: Để làm tốt bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) cần vận dụng các phép lập luận nào?

A. Giải thích

C. Phân tích, tổng hợp

B. Chứng minh

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 20: Ý nào sau đây không đúng khi nói về đặc điểm của bài văn nghị luận tác phẩm truyện hoặc đoạn trích:

A. là trình bày những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện, chủ đề hay nghệ thuật của một tác phẩm cụ thể

B. Những nhận xét, đánh giá phải xuất phát từ nội dung và tính cách, số phận nhân vật, và nghệ thuật trong tác phẩm

C. Các nhận xét đánh giá của truyện xuất phát từ suy nghĩ chủ quan của người viết

D. Bài nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) cần có bố cục mạch lạc, có lời văn chính xác, gợi cảm

Câu 21: Một bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) gồm mấy phần?

A. 2 phần.

B. 3 phần.

C. 4 phần.

D. 5 phần.

Câu 22: Phần mở bài của bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) cần có nội dung nào sau đây?

- A. Giới thiệu tác phẩm và nêu ý kiến đánh giá.
- B. Nêu lí lịch và hoàn cảnh nhân vật.
- C. Khẳng định giá trị của tác phẩm.
- D. Tất cả các phương án trên.

Câu 23: Thần thoại gồm có mấy nhóm?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 24: Thần thoại bao gồm những nhóm nào?

- A. Thần thoại suy nguyên, thần thoại anh hùng
- B. Thần thoại suy nguyên, thần thoại sáng tạo
- C. Thần thoại sáng tạo, thần thoại anh hùng
- D. Không có đáp án đúng

Câu 25: Nghĩa của từ “tân binh” là gì?

- A. Người lính mới
- B. Binh khí mới
- C. Con người mới
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 26: Từ ghép Hán Việt có mấy loại chính?

- A. Hai
- B. Ba
- C. Năm
- D. Bốn

Câu 27: Từ nào trong các câu dưới đây có sử dụng từ Hán Việt?

*"Xã tắc hai phen chồn ngựa đá
Non sông nghìn thuở vững âu vàng."*

- A. Âu vàng
- B. Ngựa đá
- C. Xã tắc
- D. cả A và C

Câu 28: Dòng nào sau đây chỉ gồm những từ Hán Việt có yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau?

- A. Thi ca, hội phí, tân binh, khán đài.
- B. Hậu tạ, cường quốc, thiên thư, tái phạm.
- C. Phòng hòa, bảo mật, thi nhân, hậu đãi.
- D. Phòng gian, ái quốc, thù môn, chiến thắng.

Câu 29: Từ Hán Việt là những từ như thế nào?

- A. Là từ được mượn từ tiếng Hán, trong đó tiếng để cấu tạo từ Hán Việt được gọi là yếu tố Hán Việt
- B. Là những từ được mượn từ tiếng Hán
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 30: Khi sử dụng từ mượn Hán Việt cần chú ý tới ngữ cảnh sử dụng, mục đích và đối tượng giao tiếp, tránh việc lạm dụng từ Hán Việt, đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 31: Ý nào sau đây không đúng khi nói về đặc điểm của bài văn nghị luận tác phẩm truyện hoặc đoạn trích:

- A. là trình bày những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện, chủ đề hay nghệ thuật của một tác phẩm cụ thể
- B. Những nhận xét, đánh giá phải xuất phát từ nội dung và tính cách, số phận nhân vật, và nghệ thuật trong tác phẩm
- C. Các nhận xét đánh giá của truyện xuất phát từ suy nghĩ chủ quan của người viết
- D. Bài nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) cần có bố cục mạch lạc, có lời văn chính xác, gợi cảm

Câu 32: Một bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) gồm mấy phần?

- A. 2 phần
- B. 3 phần
- C. 4 phần
- D. 5 phần

Câu 33: Phần mở bài của bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) cần có nội dung nào sau đây?

- A. Giới thiệu tác phẩm và nêu ý kiến đánh giá.
- B. Nêu lí lịch và hoàn cảnh nhân vật.
- C. Khẳng định giá trị của tác phẩm.
- D. Tất cả các phương án trên.

Câu 34: Đây là nhiệm vụ của kết bài trong văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là gì?

- A. Nêu nhận định, đánh giá.
- B. Giới thiệu tác phẩm và ý kiến đánh giá sơ bộ.
- C. Nêu sự cảm thụ của bản thân.
- D. Nêu các luận điểm chính về nội dung và nghệ thuật.

Câu 35: Dòng nào sau đây không phải là yêu cầu chính của bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)?

- A. Nêu rõ vấn đề nghị luận
- B. Thể hiện ý kiến riêng của người viết.
- C. Vận dụng các phép lập luận phù hợp.
- D. Lời văn gợi cảm, trau chuốt.

Câu 36: Cho đề bài sau: Phân tích nhân vật ông giáo trong truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao. Trong phần mở bài, ta sẽ giới thiệu về vấn đề gì?

- A. Giới thiệu về Nam Cao.
- B. Giới thiệu về Lão Hạc.
- C. Giới thiệu về ông giáo.
- D. Giới thiệu về tác giả Nam Cao, tác phẩm Lão Hạc và nhân vật ông Giáo.

Câu 37: Phần nào sau đây không thuộc phần thân bài của bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)?

- A. Nêu các luận điểm chính về nội dung.
- B. Nêu các luận điểm chính về nghệ thuật.
- C. Phân tích, chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu và xác thực.
- D. Đánh giá chung về vấn đề nghị luận.

Câu 38: Trong quá trình triển khai các luận điểm, luận cứ cần đáp ứng yêu cầu gì?

- A. Viết dài để thể hiện khả năng triển khai của người viết.
- B. Dùng những câu từ trau chuốt, giàu hình ảnh.
- C. Thể hiện sự cảm thụ và ý kiến riêng của người viết.
- D. Phải tìm những nhận xét của các chuyên gia để đưa vào bài làm.

Câu 39: Chủ đề của bài văn nghị luận tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) có thể là gì?

- A. Chủ đề
- B. Nhân vật
- C. Cốt truyện
- D. Nhân vật.

Câu 40: Đây là nhiệm vụ của kết bài trong văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là gì?

- A. Nêu nhận định, đánh giá.
- B. Giới thiệu tác phẩm và ý kiến đánh giá sơ bộ.
- C. Nêu sự cảm thụ của bản thân.
- D. Nêu các luận điểm chính về nội dung và nghệ thuật.

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Thăng Long thành hoài cổ

(Bà Huyện Thanh Quan)

Tạo hóa gây chi cuộc hỉ trường,
Đến nay thấm thoát mấy tình sương
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt,

Nước còn cau mặt với tang thương.

Ngàn năm tương cũ soi kim cổ,

Cảnh đây người đây luống đoạn trường

(Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập III, nhiều tác giả, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1962)

Câu 41: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. Nghị luận B. Tự sự C. Miêu tả D. Biểu cảm

Câu 42: Xác định thể thơ của văn bản

- A. Thất ngôn bát cú B. Thất ngôn tứ tuyệt C. Song thất lục bát D. Lục bát

Câu 43: Từ “hí trường” trong văn bản có nghĩa gì?

- A. Là nơi con người diễn các tích trò C. Là sân khấu, là nơi diễn trò mua vui.
B. Là lời trách, vừa là lời than D. Là tiếng cười mua vui

Câu 44: Câu thơ nào sau đây diễn tả diễn tả cảnh hoang tàn, phế tích của kinh thành xưa?

- A. Tọa hóa gây chi cuộc hí trường,
Đến nay thấm thoát mấy tình sương C. Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn cau mặt với tang thương.
B. Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương D. Ngàn năm tương cũ soi kim cổ,
Cảnh đây người đây luống đoạn trường

Câu 45: Xác định biện pháp tu từ trong hai câu thơ:

“Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt

Nước còn cau mặt với tang thương”

- A. Nhân hóa B. Ẩn dụ C. So sánh D. Cường điệu

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

“Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo”. Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy. Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền. Người ta đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương, ngũ thường. Chúa tâm thường, thần nịnh hót. Nước mất, nhà tan đều do những điều tệ hại ấy.

Cúi xin từ nay ban chiếu thư cho thầy trò trường học của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc lại ở các trấn cựu triều, đều tùy đâu tiện đấy mà đi học.

Phép dạy, nhất định theo Chu Tử. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm. Hoạ may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua.

Đạo học thành thì người tốt nhiều; người tốt nhiều thì triều đình ngay ngắn mà thiên hạ thịnh trị.

Đó là mấy điều, thành thật xin dâng. Chẳng quản lời nói vu vơ, cúi mong Hoàng thượng soi xét.

Kẻ hèn thần cung kính tấu trình.

(Trích Bàn luận về phép học (Luật học pháp), La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, Ngữ văn 8, tập 2, NXB Giáo dục, tr.76,77)

Câu 46: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

- A. Biểu cảm B. Miêu tả C. Tự sự D. Nghị luận

Câu 47: Theo văn bản, “đạo” có là gì?

- A. Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người C. Đạo là lẽ công bằng giữa người với người
B. Đạo là lẽ đối xử giữa người bề trên với kẻ bề dưới D. Đạo là lẽ đối xử trong mối quan hệ vợ chồng.

Câu 48: Nghĩa của từ “Thịnh trị” là gì?

- A. Ở trạng thái đang ngày càng nhiều người biết đến
- B. Ở trạng thái đang ngày càng nhiều người ưa chuộng
- C. Ở trạng thái đang phát đạt, giàu có lên
- D. Ở trạng thái đang thịnh vượng, yên ổn và vững vàng

Câu 49: Theo tác giả, mục đích chân chính của việc học là gì?

- A. Học để làm quan
- B. Học để làm người chân chính
- C. Học để xây dựng đất nước
- D. Học để làm người có ích

Câu 50: Tác dụng của việc học là gì?

- A. Hoạ may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên
- B. Người tốt nhiều, triều đình ngay ngắn, thiên hạ thịnh trị.
- C. Đất nước yên bình, nhân dân được hưởng phúc lành
- D. Cả A, B đều đúng